

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2948/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình hành động Phát triển bền vững
ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động Phát triển bền vững ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thủ trưởng;
- Lưu Văn thư, KH.

(Chữ ký)

BỘ TRƯỞNG



(Chữ ký)
Nguyễn Minh Quang

**Chương trình hành động Phát triển bền vững
ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2948/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Chương trình hành động về phát triển bền vững ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016 – 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

Lồng ghép nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của ngành tài nguyên và môi trường trong giai đoạn 2016 – 2020 để thực hiện có hiệu quả những định hướng ưu tiên trong Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường, ~~đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường.~~

2. Giảm thiểu mức độ thoái hóa, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất.

3. Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

4. Khai thác hợp lý và sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản.

5. Bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển bền vững tài nguyên biển.

6. Bảo vệ và phát triển rừng, khai thác và sử dụng rừng hợp lý để tái tạo và cải thiện chất lượng rừng.

7. Giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn ở các đô thị lớn và khu công nghiệp.

8. Quản lý có hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại.

9. Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học.

10. Giảm thiểu tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

11. Xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững ngành tài nguyên và môi trường.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA TỪNG LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực đất đai

- Xây dựng, hoàn thiện văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách pháp luật về đất đai.

- Phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về đất đai cho đội ngũ cán bộ, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Điều tra cơ bản và đánh giá tài nguyên đất phục vụ quản lý, sử dụng đất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý đất đai cho phát triển các ngành, lĩnh vực, đảm bảo sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên đất đai, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổ chức việc lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo quy hoạch sử dụng đất phải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tránh tình trạng chồng chéo giữa quy hoạch đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, quy hoạch khu công nghiệp với quy hoạch sử dụng đất, tránh chồng lấn quy hoạch các công trình kiên cố trên diện tích đất có chứa tài nguyên khoáng sản.

- Xây dựng hệ thống các công cụ kinh tế trong quản lý đất đai, đổi mới chính sách bồi thường theo hướng thống nhất, đồng bộ, minh bạch, bình đẳng. Hoàn thiện nguyên tắc, phương pháp định giá đất theo vùng giá trị và triển khai xây dựng bản đồ giá đất, giá đất vùng giáp ranh, cơ sở dữ liệu giá đất toàn quốc; tăng cường việc đấu giá quyền sử dụng đất để tăng nguồn thu cho ngân sách. Đổi mới cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ kết hợp với bảo tồn kiến thức bản địa trong việc giảm thiểu mức độ thoái hóa đất và cải tạo đất bị suy thoái; áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm đảm bảo sử dụng bền vững tài nguyên đất.

2. Lĩnh vực tài nguyên nước

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên nước. Triển khai thực hiện chính sách tài chính trong lĩnh vực tài nguyên nước. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng quy hoạch tài nguyên nước trên phạm vi cả nước, quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước.

- Tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước để nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

- Xây dựng kế hoạch phục hồi nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia; cải tạo, phục hồi một số dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng.

- Khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu. Điều tra, thống kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các lưu vực sông liên tỉnh. Kiểm soát được mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt.

- Bảo vệ, khai thác hiệu quả và sử dụng bền vững tài nguyên nước quốc gia trên cơ sở quản lý tổng hợp, thống nhất tài nguyên nước, bảo đảm an ninh về nước cho phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy hợp tác với các nước láng giềng trong việc chia sẻ các nguồn nước xuyên biên giới.

- Chú trọng bảo vệ môi trường các lưu vực sông. Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án quản lý tổng hợp các lưu vực sông, các vùng đầu nguồn, nước ngầm.

3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về địa chất - khoáng sản.

- Tiếp tục thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền sâu rộng pháp luật về khoáng sản; xây dựng hệ thống thanh tra chuyên ngành khoáng sản; tăng cường có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản, đặc biệt là công tác kiểm tra “hậu” cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; kiên quyết xử lý việc cấp phép hoạt động khoáng sản không đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường quản lý việc khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản; hạn chế, kiểm soát chặt chẽ việc xuất khẩu tài nguyên thô và đến năm 2020 chấm dứt xuất khẩu khoáng sản chưa qua chế biến sâu.

- Rà soát, xây dựng chiến lược, quy hoạch điều tra, khai thác khoáng sản và thực hiện công tác điều tra, khai thác khoáng sản theo chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đổi mới hoàn thiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phù hợp với trình độ phát triển và năng lực công nghệ tiên tiến của các nước trong khu vực.

- Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, phương thức mới, lựa chọn các phương pháp, thiết bị tiên tiến, hiện đại có độ chính xác cao trong điều tra, thăm dò, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản, phục vụ phát triển bền vững đất nước.

- Chỉ đạo, đôn đốc các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản; chỉ đạo thực hiện

tốt công tác thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản hàng năm để đánh giá đúng tiềm năng khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản ở từng địa phương, phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.

- Thực hiện quản lý tài nguyên khoáng sản theo cơ chế thị trường thông qua “đấu giá” hoặc “đấu thầu” khai thác mỏ khoáng sản; tăng cường tìm kiếm, phát hiện các mỏ khoáng sản mới và các khả năng thay thế nguồn tài nguyên có nguy cơ cạn kiệt; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản.

4. Lĩnh vực môi trường

- Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, bảo tồn các hệ sinh thái, đa dạng sinh học. Phát huy vai trò và trách nhiệm của các cơ quan truyền thông và huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể xã hội.

- Tăng cường hoạt động quan trắc và kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn tại các đô thị lớn. Kiểm soát và hạn chế nguồn gây ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, giao thông và sản xuất công nghiệp.

- Tập trung thực hiện các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tổ chức thực hiện nghiêm công tác hậu kiểm, không phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020. Triển khai, thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Mê Công. Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và phục hồi ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước.

- Tập trung thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 và định hướng đến 2030. Triển khai thực hiện Đề án ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại đến năm 2020, trong đó tăng cường năng lực cho các cơ quan chuyên môn về đa dạng sinh học, kiểm dịch, đặc biệt ở cấp tỉnh.

- Bảo vệ và phát triển rừng, kiên quyết và xử lý nghiêm các hành vi phá hoại gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường. Phát triển các dịch vụ sinh thái rừng và tăng cường áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ sinh thái rừng, đảm bảo lợi ích cho cả người sử dụng và người cung cấp dịch vụ sinh thái.

- Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trao đổi thông tin, khoa học công nghệ về môi trường và phát triển bền vững, phát triển các ngành kinh tế môi trường như công nghệ xử lý và tái chế chất thải, công nghệ tiết kiệm năng lượng, phát thải ít cacbon,...

5. Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

- Xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, hài hòa với các chính sách toàn cầu và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia. Xây dựng chính sách khuyến khích, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, các nhà khoa học, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng dân cư... vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng, cập nhật các kế hoạch hành động về biến đổi khí hậu, tổ chức thực hiện và hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Thực hiện các nghiên cứu, đánh giá cơ bản và chuyên sâu về biến đổi khí hậu, làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu và nước biển dâng để phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

- Từng bước xây dựng quy định về phát thải khí nhà kính để các đơn vị sản xuất, kinh doanh áp dụng, tạo tiền đề cho việc giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia tiến tới phát triển nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh.

- Tăng cường sự tham gia của toàn hệ thống chính trị trong tổ chức chỉ đạo, phối hợp liên ngành về ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý các vấn đề biến đổi khí hậu từ trung ương đến địa phương.

- Tăng cường hoạt động khoa học công nghệ, năng lực tổ chức, thể chế; phát triển chính sách, nguồn nhân lực nhằm chủ động ứng phó với thiên tai và giảm nhẹ tác động, thiệt hại do thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu.

6. Lĩnh vực quản lý biển và hải đảo

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các thể chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường biển như Luật Tài nguyên và Môi trường Biển, Chiến lược Tài nguyên và Môi trường Biển... để quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò của tài nguyên môi trường biển, hải đảo cũng như công tác quản lý tổng hợp.

thống nhất về biển và hải đảo đối với phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên biển đảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, vùng ven biển và hải đảo.

- Xây dựng kịch bản diễn biến tác động của biến đổi khí hậu đến các vùng biển ven bờ, vùng bờ ven biển để có hướng tiếp cận và đưa ra các giải pháp phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ môi trường biển, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước biển, hải đảo, trên đất liền; bảo tồn cảnh quan và đa dạng sinh học biển.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ Chương trình hành động để xây dựng chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ kế hoạch hàng năm, trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành nhiệm vụ. Định kỳ hàng năm tiến hành tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động gửi về Vụ Kế hoạch trước ngày 15 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động về phát triển bền vững ngành tài nguyên và môi trường để xây dựng chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện.

3. Văn phòng phát triển bền vững - Vụ Kế hoạch chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động của Bộ; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.

10/2

BỘ TRƯỞNG



Quang
Nguyễn Minh Quang